VJE Tạp chí Giáo dục, Số 516 (Kì 2 - 12/2021), tr 25-30 ISSN: 2354-0753

THIẾT KẾ TIÊU CHÍ VÀ CÔNG CỤ ĐÁNH GIÁ SỰ PHÁT TRIỂN GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO ĐỊA PHƯƠNG

Nguyễn Thị Lan Phương+, **Dương Thị Thu Hương**
Viện Khoa học Giáo dục Việt Nam
+Tác giả liên hệ ● Email: huongdtt@vnies.edu.vn

Article history
Received: 12/10/2021
Accepted: 10/11/2021
Published: 20/12/2021

Keywords
Education development, education quality, local education, evaluation instruments

ABSTRACT
One of the emerging themes in educational evaluation is the strengthening of educational indicators and methods for monitoring the educational system. The article presents a tool for evaluating the development of local education and training. The instrument is designed to promote the benefits and solve the constraints inherent in Vietnam's present statistical data collection while also enabling comparison with a variety of indicators from other nations and international organizations. The instrument for measuring the growth of local education and training composes of an analytical framework, a set of assessment criteria and indicators, and data collecting instruments. The objective of constructing this instrument is not only to monitor the education system but also to provide local governments with a foundation for formulating evidence-based educational development plans.

1. Mở đầu

Trong những năm gần đây, nhiều nhà phân tích cho rằng, mặc dù thế giới đang dần dần thoát khỏi cuộc khủng hoảng kinh tế năm 2007, nhưng sự tiến bộ xã hội thì ngày càng suy giảm. Cụ thể, trong khối các quốc gia OECD hơn 46 triệu người bị mất việc làm, khoảng cách giữa người giàu nhất và nghèo nhất đang gia tăng, khả năng tiếp cận các dịch vụ xã hội vẫn còn hạn chế. Vì vậy, tổ chức quốc tế OECD đã nỗ lực phát triển bộ chỉ số phát triển giáo dục toàn diện để thúc đẩy sự tiến bộ xã hội. Một trong những xu thế mới trong đánh giá giáo dục được OECD (2013) tổng kết là tăng cường sự phát triển chỉ số và đo lường giáo dục để giám sát hệ thống giáo dục và đánh giá thành tích của trường học. Hầu hết các quốc gia đã phát triển khung phân tích chỉ số quốc gia toàn diện và quy trình thu thập dữ liệu ở cấp trường. Xu hướng hiện nay các quốc gia thường công bố các chỉ số giáo dục trong các chương trình quốc tế để phục vụ cho việc đối sánh chuẩn trên phạm vi quốc tế. Ví dụ, dự án VALSIS phân tích các chỉ số giáo dục quốc tế để xây dựng khung đánh giá hệ thống của Ý; tạo ra một ngân hàng dữ liệu điện tử của các chỉ số hệ thống giáo dục. Thực tế này đặt ra yêu cầu cấp bách với Việt Nam cần xây dựng một bộ công cụ giúp đánh giá được sự phát triển GD-ĐT của địa phương và quốc gia. Dựa vào đó, mỗi địa phương/quốc gia sẽ đưa ra các chiến lược, chính sách để phát triển hệ thống giáo dục ở địa phương, đồng thời thu hẹp khoảng cách giữa các địa phương ở cấp độ quốc gia.

Bài báo giới thiệu bộ công cụ đánh giá sự phát triển GD-ĐT địa phương cấp tỉnh, trong đó tập trung vào giáo dục mầm non và giáo dục phổ thông. Bộ công cụ này bao gồm khung phân tích, bộ tiêu chí, chỉ số và công cụ thu thập dữ liệu.

2. Kết quả nghiên cứu

2.1. Cơ sở lí thuyết

Sự phát triển giáo dục của một cơ sở giáo dục (CSGD)/ địa phương là các hoạt động thay đổi cơ chế, thể chế quản lí giáo dục, đảm bảo chất lượng và đổi mới quá trình giáo dục nhằm nâng cao chất lượng giáo dục (CLGD) trong bối cảnh cụ thể của CSGD địa phương. Trong đó, cơ chế và thể chế quản lí giáo dục đề cập đến chính sách phát triển giáo dục, phương thức dạy học, học tập và đánh giá, trách nhiệm giải trình chất lượng và hệ thống giám sát, đánh giá hiệu quả quản lí giáo dục; đảm bảo CLGD đề cập đến nhân lực, tài lực và vật lực dành cho giáo dục. CLGD địa phương thể hiện ở những kết quả và thành tựu giáo dục như kết quả giáo dục, phẩm chất và năng lực đội ngũ nhà giáo, thành tích nổi bật của giáo dục.

Để đánh giá sự phát triển GD-ĐT ở bất kì cấp độ nào (quốc gia, địa phương, CSGD), điểm xuất phát luôn là khung khái niệm hay khung phân tích giáo dục. Khung phân tích giáo dục được hiểu là văn bản/ mô hình/ ma trận cung cấp nền tảng quan trọng để mô tả, phân tích hệ thống giáo dục, phân tích việc thực hiện các nhiệm vụ tương ứng với các mục tiêu giáo dục (UNESCO, 2013a).

Khung phân tích/ chẩn đoán chất lượng hệ thống giáo dục phổ thông (General Education Quality/ Diagnostic Framework - GEQAF) của UNESCO (2005), được cấu trúc gồm 5 yếu tố cơ bản (mục tiêu phát triển, kết quả đầu ra, các quá trình giáo dục cốt lõi, nguồn lực chủ yếu và cơ chế hỗ trợ) cho phép hệ thống cung cấp nền giáo dục chất lượng, hiệu quả.

Việc xây dựng khung phân tích cần dựa trên sự đồng thuận giữa các bên liên quan về: (1) mục đích, mục tiêu giáo dục; (2) khung phân tích chất lượng các chiều khác nhau; (3) phương pháp đo lường và đánh giá các biến quan trọng; (4) khung cải thiện gồm các thành phần của hệ thống giáo dục tạo cơ hội thay đổi và đổi mới.

Sử dụng tiếp cận CIPO (bối cảnh, đầu vào, quá trình và đầu ra), khung phân tích của OECD (2021) cung cấp 27 chỉ số có khả năng so sánh và cập nhật về tình trạng giáo dục trên phạm vi quốc tế. Các chỉ số được cấu trúc trong khung phân tích các tác nhân trong hệ thống giáo dục, nhóm chúng theo các loại vấn đề và xem xét các yếu tố bối cảnh ảnh hưởng đến chính sách. Mặc dù khung phân tích nhằm vào hệ thống giáo dục quốc gia, nhưng các đặc điểm của sự phát triển, hoạt động và tác động của hệ thống giáo dục chỉ có thể được đánh giá thông qua sự am hiểu về kết quả học tập và mối quan hệ của chúng với các yếu tố đầu vào và quy trình ở cấp độ cá nhân và cơ sở giáo dục: + Chiều thứ nhất gồm 3 cấp độ: (1) hệ thống giáo dục với tư cách là tổng thể; (2) nhà cung cấp dịch vụ giáo dục (tổ chức, trường học); (3) cá nhân tham gia vào quá trình giáo dục và học tập, người học; + Chiều thứ hai gồm 3 nhóm chỉ số: (1) Các chỉ số đầu ra, kết quả và tác động của hệ thống giáo dục (chỉ số đầu ra phân tích đặc điểm những người đi ra từ hệ thống; chỉ số kết quả xem xét tác động của đầu ra giáo dục, chẳng hạn việc làm và lợi ích khi học giáo dục đại học; chỉ số tác động phân tích tác động gián tiếp, dài hạn của giáo dục vào tăng trưởng kinh tế, phúc lợi xã hội, và sự công bằng); (2) Các chỉ số về sự tham gia giáo dục nhằm đánh giá khả năng tiếp cận giáo dục cũng như sự liên thông giữa các loại chương trình và các cấp giáo dục; (3) Các chỉ số đầu vào cung cấp thông tin về các chính sách đòn bẩy định hình sự tham gia, tiến bộ, kết quả đầu ra (tài chính, nhân sự, cơ sở vật chất, môi trường giảng dạy, chương trình giáo dục, quản trị, tự chủ và sự tham gia của học sinh (HS) vào quá trình giáo dục…). Các yếu tố nhân khẩu học, kinh tế xã hội và chính trị là các đặc điểm quan trọng của quốc gia cần tính đến khi giải thích các chỉ số. Các đặc điểm của bản thân HS cũng là những yếu tố bối cảnh quan trọng ảnh hưởng đến kết quả của chính sách giáo dục. Qua đây có thể thấy, khung phân tích tình hình phát triển giáo dục địa phương có thể xây dựng theo cách tiếp cận CIPO, cần thể hiện được các cấp độ CSGD và hệ thống giáo dục địa phương (cấp tỉnh).

Blank (1993) cho rằng, quá trình đánh giá sự phát triển GD-ĐT địa phương cần trải qua 9 bước, trong đó tập trung vào 3 hoạt động chính: lựa chọn chỉ số, tổ chức hệ thống hợp tác để thu thập dữ liệu và báo cáo dữ liệu so sánh về các chỉ số. 8 trong 9 bước của quy trình này liên quan trực tiếp đến việc xây dựng công cụ đánh giá sự phát triển GD-ĐT địa phương, bao gồm: phát triển khung khái niệm dựa trên kết quả nghiên cứu và sự quan tâm của các nhà hoạch định chính sách và giáo dục; thu hút các nhà hoạch định chính sách, nhà giáo dục, nhà nghiên cứu và quản lí dữ liệu trong việc lựa chọn các chỉ số ưu tiên; chọn một số chỉ số và giảm thiểu độ phức tạp của báo cáo; quyết định phương pháp thu thập dữ liệu; làm việc với người sử dụng và người cung cấp dữ liệu để thiết lập các tiêu chuẩn tạo ra dữ liệu đối sánh; thiết kế dạng dữ liệu và quy trình đồng bộ hóa; thu thập và chỉnh sửa dữ liệu. Tương tự quy trình xây dựng chỉ số giáo dục trên, UNESCO (2013b) đã xác định 9 bước cần thực hiện để phát triển và lựa chọn các chỉ số giáo dục bao gồm: (1) Xác định chính xác những gì cần giám sát hoặc đánh giá; (2) Liệt kê các câu hỏi cần trả lời; (3) Xác định loại chỉ tiêu có thể được sử dụng; (4) Xem xét lại cơ sở phương pháp luận của các chỉ số này; (5) Tìm hiểu những dữ liệu nào cần thiết để lấy được từng chỉ số, và nơi có thể lấy và cách lấy dữ liệu này; (6) Thu thập dữ liệu mẫu và kiểm tra chất lượng và độ tin cậy của chúng; (7) Thực hiện tính toán thử nghiệm để đưa ra một chỉ số dự thảo để xem liệu có bất kì khó khăn hoặc sai lệch nào trong kết quả hay không; (8) Phân tích hiệu quả của chỉ số để giải thích hiện tượng; (9) Chọn chỉ số khả thi và phù hợp nhất với mục đích.

2.2. Nguyên tắc xây dựng khung phân tích giáo dục và đào tạo địa phương

Việc xây dựng khung phân tích GD-ĐT địa phương cần phải đảm bảo các nguyên tắc sau đây:

- *Nguyên tắc 1:* Đáp ứng được yêu cầu đánh giá, phân tích tình hình thực hiện các mục tiêu, nhiệm vụ phát triển GD-ĐT địa phương, tương thích hoặc hướng tới các mục tiêu, nhiệm vụ đề ra trong Nghị quyết số 29-NQ/TW và chương trình/ kế hoạch hành động thực hiện Nghị quyết số 29-NQ/TW của địa phương (cấp tỉnh) (Ban Chấp hành Trung ương, 2013).

- *Nguyên tắc 2:* Có sự thống nhất giữa nội dung đánh giá sự phát triển GD-ĐT địa phương và định hướng phát triển giáo dục đề cập trong quan điểm, mục tiêu và chiến lược phát triển giáo dục địa phương, hướng tới chiến lược phát triển giáo dục quốc gia.

- *Nguyên tắc 3:* Việc lựa chọn các chỉ tiêu thống kê phản ánh tình hình thực hiện các mục tiêu cơ bản đề ra trong Nghị quyết số 29-NQ/TW và chiến lược phát triển giáo dục địa phương; trong đó, ưu tiên các chỉ tiêu sơ cấp để tính toán các chỉ tiêu thống kê quốc gia (Chính phủ, 2016) và danh mục hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh (Bộ Kế hoạch và Đầu tư, 2011).

- *Nguyên tắc 4:* Bổ sung và điều chỉnh các chỉ tiêu thống kê để *hỗ trợ việc so sánh giáo dục quốc tế. Muốn vậy hệ thống chỉ tiêu cần được chuẩn hóa (về khái niệm, nội dung, và phương pháp tính) bảo đảm* tương thích hoặc hướng tới các bộ chỉ số giám sát giáo dục toàn cầu, SGD4, UNESCO.

- *Nguyên tắc 5:* Thông tin, chỉ tiêu thống kê cần được thu thập trong Khung phân tích phải bảo đảm tính toàn diện: có thông tin về các cấp độ giáo dục hệ thống (vi mô, trung gian và vĩ mô); có những thông tin làm tiền đề, động lực cho việc thực hiện chiến lược phát triển giáo dục địa phương đạt kết quả như mong muốn; có những thông tin mà kết quả hoạt động chịu ảnh hưởng của kết quả thực hiện các mục tiêu chiến lược. Bên cạnh đó, thông tin cần bảo đảm tính chính xác, khách quan và cụ thể cũng như bảo đảm có đủ thông tin qua các năm của thời kì chiến lược phát triển giáo dục địa phương.

- *Nguyên tắc 6:* Lưu ý đến những nội dung và chỉ tiêu thống kê liên quan đến đánh giá tổng quan toàn ngành GD-ĐT địa phương và những nội dung, chỉ tiêu thống kê liên quan đến đánh giá, phân tích sâu từng yếu tố giáo dục cơ bản. Đồng thời bảo đảm tương thích hoặc hướng tới các bộ tiêu chuẩn mới (về giáo viên (GV), cán bộ quản lí, người học, trường lớp,…).

- *Nguyên tắc 7:* Sử dụng mô hình phân tích SWOT (Strengths, Weaknesses, Opportunities và Threats) để phân tích các quan điểm, chính sách giáo dục đã tạo tiền đề/ đòn bẩy hoặc thách thức sự phát triển GD-ĐT địa phương; s*ử dụng cách tiếp cận* "tác nghiệp hóa" để xây dựng khung phân tích và thiết lập tiêu chí, chỉ số phát triển GD-ĐT địa phương, *cách tiếp cận Benchmarking để so sánh cách thức thực hiện giáo dục giữa các CSGD, sở GD-ĐT để tìm ra cách thức tốt nhất, và vận dụng điều chỉnh hoạt động của chính mình, tạo sự phát triển hàng năm.*

2.3. Khung phân tích đánh giá sự phát triển giáo dục và đào tạo địa phương

2.3.1. Đề xuất khung phân tích sự phát triển giáo dục và đào tạo địa phương của Việt Nam

Khung phân tích giáo dục địa phương cung cấp nền tảng quan trọng để phân tích CLGD cấp tỉnh, nhằm trả lời câu hỏi "*Hệ thống giáo dục địa phương vận hành tốt như thế nào?*". Khung này sẽ giúp mô tả, phân tích việc thực hiện các quá trình giáo dục theo hướng đạt các mục tiêu phát triển giáo dục đến năm 2030, tầm nhìn đến 2045.

Tham chiếu khung phân tích/ chẩn đoán CLGD của UNESCO, chúng tôi đề xuất khung phân tích giáo dục cấp địa phương được cấu trúc bởi các thành tố sau: mục tiêu phát triển giáo dục đến năm 2030 để định hướng cho các kết quả đầu ra kì vọng của hệ thống, và các quá trình giáo dục, nguồn lực cùng cơ chế, chính sách hỗ trợ tạo ra kết quả đầu ra thực tiễn. Khung phân tích GD-ĐT địa phương (cấp tỉnh) gồm 3 hợp phần và 10 nhân tố, mỗi nhân tố gồm nhiều yếu tố giáo dục cơ bản, trong đó chất lượng giáo dục là trọng tâm (hình 1).

Hình 1. Khung phân tích CLGD phổ thông địa phương

2.3.2. Tiêu chí và công cụ đánh giá sự phát triển giáo dục và đào tạo địa phương

- *Tiêu chí đánh giá sự phát triển GD-ĐT địa phương:* Bộ tiêu chí đánh giá sự phát triển giáo dục cấp tỉnh là cụ thể hóa các yếu tố thuộc 10 nhân tố trong 3 hợp phần của Khung phân tích GD-ĐT địa phương nói trên. Mỗi tiêu chí này còn được cụ thể hóa thành các chỉ số ở bảng 1 (có thể đo lường trực tiếp tại CSGD). Trong đó, hợp phần CLGD cấp tỉnh có 3 tiêu chí và 37 chỉ số; hợp phần CLGD của CSGD có 4 tiêu chí và 35 chỉ số; hợp phần Lợi thế phát triển GD-ĐT địa phương có 1 tiêu chí và 4 chỉ số. Nhiều chỉ số tham chiếu một số chương trình đánh giá quốc tế để tiện lợi cho việc so sánh quốc tế.

Bảng 1. Hệ thống tiêu chí đánh giá sự phát triển GD-ĐT địa phương (cấp tỉnh)

Tiêu chí	Chỉ số	Tham chiếu
1. CLGD cấp tỉnh		
1.1. Chính sách, cơ chế và quy mô phát triển giáo dục	Các chính sách về CLGD địa phương	
	Các chính sách về cơ hội học tập suốt đời	
	Cơ chế, trách nhiệm của UBND tỉnh và sở GD-ĐT trong chỉ đạo CLGD mầm non và phổ thông	
	Cơ chế phối hợp trong hệ thống giáo dục; giữa giáo dục địa phương với cộng đồng	
	Cơ chế quản lí quá trình dạy học, học tập và đánh giá	
	Tỉ lệ HS 6 tuổi được học ít nhất 1 năm mẫu giáo	SDG4[1]
	Tỉ lệ HS đi học (theo cấp học)	SDG4
	Tỉ lệ huy động học tập đúng độ tuổi (theo cấp học)	SDG4, GCI[2]
	Tỉ lệ HS học trong trường tư thục (theo cấp học)	UNESCO, WB[3]
	Tỉ lệ HS/GV (theo cấp học)	
	Tỉ lệ GV/lớp học (theo cấp học)	
	Tỉ lệ GV đạt trình độ cử nhân trở lên: mầm non, tiểu học, THCS, THPT	Luật GD-ĐT 2019, SDG4
1.2. Quy mô và nguồn lực phát triển giáo dục phổ thông	Tỉ lệ trường có hệ thống máy tính và mạng Internet	GCI
	Tỉ lệ trường được trang bị thiết bị công nghệ, phòng đa chức năng, phòng học bộ môn, phòng thực hành	
	Tỉ lệ trường ứng dụng CNTT trong quản lí giáo dục và giảng dạy	
	Xác định yêu cầu nguồn lực tài chính để đạt các mục tiêu phát triển giáo dục	
	Chênh lệch tài chính giữa nhu cầu và NSNN; biện pháp thu hẹp khoảng cách này	
	Ước tính số tiền chi cho GDMN và giáo dục phổ thông từ các nguồn	
	Tỉ lệ NSNN chi cho giáo dục cấp tỉnh; tỉ lệ phân bổ cho lương GV	UNESCO, WB
	Tiêu chí phân bổ NSNN giữa các cấp học, loại hình trường	
	Mức chi phí trung bình cho mỗi HS	
	Hệ thống EMIS cung cấp thông tin về chất lượng giáo dục	
	Những biện pháp cải thiện chất lượng hệ thống giáo dục phổ thông và hiệu quả của nó	
	Tỉ lệ phân luồng sau THCS	
	Tỉ lệ phân luồng sau THPT	
1.3. Kết quả giáo dục và thành tựu giáo dục địa phương	Tỉ lệ HS hoàn thành cấp học	SDG4
	Tỉ lệ HS bỏ học theo cấp học	UNESCO, WB, Mĩ, Đức
	Tỉ lệ HS cuối tiểu học và cuối THCS đạt mức thành thạo tối thiểu về đọc hiểu và tính toán	SDG4, EFA[4], GCI
	Tỉ lệ tốt nghiệp cấp THCS, THPT	SDG4
	Tỉ lệ đạt mức tốt của chuẩn nghề nghiệp của GV	CNNGV[5]
	Tỉ lệ đạt mức tốt chuẩn hiệu trưởng của cán bộ quản lí	CNNHT[6]
	Tỉ lệ trường đạt tiêu chuẩn quốc gia (mức 1 và mức 2)	Malaysia
	Số lượng HS giỏi quốc gia	
	Số lượng HS đoạt giải Olympic quốc tế	
	Tỉ lệ người trong độ tuổi từ 15 trở lên đạt chuẩn biết chữ mức độ 1 và 2	UNESCO, WB, DA89[8]
	Tỉ lệ HS tham gia chương trình giáo dục kĩ năng sống và hoạt động ngoài giờ	DA89
	Tỉ lệ người dân được phổ cập THCS và tiếp cận THPT theo phương thức giáo dục thường xuyên (GDTX)	UNESCO, WB, Hàn Quốc, Malaysia
2. CLGD của CSGD		
2.1. Cơ chế quản lí	Hoạt động quản lí chuyên môn nhà trường	
	Hoạt động quản lí PPDH phát triển năng lực người học	

giáo dục hỗ trợ việc dạy học	Hoạt động giám sát CLGD	
	Phân tích hiệu quả của hoạt động quản lí CLGD nhà trường	
	Biện pháp cải thiện hiệu quả của hệ thống quản lí CLGD	
2.2. Các nguồn lực đầu vào	Mục tiêu giáo dục toàn diện và công bằng; kết quả đầu ra kì vọng	
	Kế hoạch giáo dục nhà trường đáp ứng nhu cầu người học và phù hợp chương trình giáo dục	
	Nội dung giáo dục phù hợp trình độ người học và kết quả đầu ra của chương trình	
	Nguồn lực tài chính (trong và ngoài NSNN) để cải thiện CLGD; nhu cầu tài chính của CSGD	
	Hệ thống giám sát, đánh giá hoạt động dạy học	SDG4
	Các khóa tập huấn: tổ chức dạy học; phát triển chuyên môn (học thuật, kĩ năng mềm); kĩ năng tương tác giữa GV và HS	
	Môi trường giáo dục an toàn, thân thiện, lành mạnh	
	Môi trường vật chất đáp ứng yêu cầu chương trình	
	Tỉ lệ HS 6 tuổi được học ít nhất 1 năm mẫu giáo	
	Tỉ lệ HS đi học (theo cấp học)	
	Tỉ lệ huy động học tập đúng độ tuổi (theo cấp học)	
	Tỉ lệ HS/GV	
	Tỉ lệ GV/lớp học	
	Tỉ lệ GV đạt, vượt chuẩn đào tạo	
2.3. Quá trình giáo dục	Tổ chức nội dung học tập	
	Cách tạo cơ hội học tập công bằng đối với mọi HS	
	Phát triển kĩ năng học tập, năng lực, kĩ năng sống cho HS	
	Ứng dụng CNTT trong dạy học, quản lí hồ sơ	
	Đánh giá CLGD trường; sử dụng kết quả đánh giá hiệu quả	
	Đánh giá năng lực HS; cách sử dụng kết quả đánh giá hiệu quả	
	Quản lí lớp học	
2.4. Kết quả giáo dục và thành tựu của trường	Tỉ lệ HS hoàn thành cấp học	SDG4
	Tỉ lệ tốt nghiệp cấp học	SDG4
	Tỉ lệ chuyển cấp học; học nghề; đi lao động phổ thông	SDG4
	Số HS đạt giải kì thi HS giỏi quốc gia	
	Số HS được giải Olympic quốc tế	
	Tỉ lệ HS tham gia chương trình giáo dục kĩ năng sống và hoạt động ngoài giờ	
	Tỉ lệ đạt mức tốt của chuẩn nghề nghiệp của GV	CNNGV
	Tỉ lệ đạt mức tốt chuẩn hiệu trưởng của cán bộ quản lí	CHT
	Trường đạt tiêu chuẩn quốc gia (mức 1 và mức 2)	
3. Lợi thế phát triển giáo dục địa phương		
3.1. Điều kiện tự nhiên và xã hội thúc đẩy CLGD phổ thông	Khả năng sử dụng quỹ đất sạch cho phát triển giáo dục; khoảng cách từ nhà đến trường	
	Độ phủ và chất lượng nền tảng Internet; ứng dụng các gói công nghệ giáo dục; môi trường kĩ thuật số	
	Tác động của KT-XH địa phương đến sự phát triển GD-ĐT	
	Truyền thống văn hóa (dòng tộc, dân tộc, tín ngưỡng, tôn giáo) tác động đến giáo dục phổ thông	

** 1: Sustainable development goals 4; 2: Global Competitiveness Index; 3: World Bank; 4: Education for Alll; 5: Chuẩn nghề nghiệp giáo viên; 6: Chuẩn hiệu trưởng*

- *Công cụ thu thập dữ liệu về sự phát triển GD-ĐT địa phương:* Để thu thập dữ liệu theo khung phân tích và bộ tiêu chí, nghiên cứu này đã thiết kế 05 nhóm công cụ thu thập thông tin GD-ĐT địa phương, bao gồm: 14 biểu mẫu thống kê, 8 bảng hỏi, 5 phiếu dự giờ và 7 đề cương báo cáo.

+ *Biểu mẫu thống kê giáo dục:* Công cụ này nhằm thu thập dữ liệu để tính toán các chỉ số giáo dục phục vụ cho việc giám sát thực hiện các mục tiêu của Nghị quyết 29/NQ-TW và chiến lược phát triển giáo dục. Biểu mẫu thống kê được xây dựng cho ba cấp quản lí (Sở, Phòng và CSGD) về tình hình giáo dục mầm non, tiểu học, THCS, THPT và GDTX. Trong đó có 5 loại biểu mẫu thống kê dữ liệu cấp Sở (mầm non, tiểu học, THCS, THPT, GDTX); 3 biểu

mẫu dành cho cấp Phòng (mầm non, tiểu học, THCS); và 5 loại biểu mẫu dành cho cấp CSGD (mầm non, tiểu học, THCS, THPT, GDTX). Mỗi bộ biểu mẫu có 2 tài liệu đính kèm: (1) Định nghĩa bộ chỉ số; (2) Biểu mẫu thống kê. Mỗi biểu mẫu đều được thiết kế công thức tính toán tự động và kiểm tra tính logic của dữ liệu để làm nổi bật các lỗi.

+ *Phiếu xin ý kiến:* Mục đích của công cụ này là tìm hiểu quan điểm của đối tượng thụ hưởng (HS và cha mẹ HS) về CLGD của nhà trường, các nguồn lực đầu vào, môi trường giáo dục, quá trình giáo dục và lợi thế phát triển GD-ĐT địa phương. Trong đó, có 5 phiếu hỏi dành cho CMHS cấp mầm non, tiểu học, THCS và THPT; có 4 phiếu hỏi dành cho HS tiểu học, THCS, THPT và GDTX. Bộ phiếu hỏi được thiết kế ở hai dạng thức giấy và Google form, để tạo điều kiện thuận lợi cho người sử dụng.

+ *Phiếu quan sát, dự giờ:* Phiếu quan sát, dự giờ được thiết kế để đánh giá giờ dạy của GV theo tiêu chí phù hợp với chuẩn nhà giáo ban hành năm 2018, gồm Phiếu dự giờ và Tiêu chí đánh giá tiết dạy. Cấu trúc của phiếu đánh giá bao gồm thông tin của người được dự giờ vừ người đánh giá. Tiết dạy của GV được đánh giá qua hai nội dung chính: Phần cứng và trang thiết bị, đồ dùng dạy học được sử dụng; các hoạt động chuẩn bị bài học, nội dung giáo dục, phương pháp và hình thức tổ chức học tập, đánh giá sự phát triển của HS, quản lí lớp học, xây dựng môi trường giáo dục. Phần tiêu chí đánh giá giờ dạy gồm có 6 tiêu chuẩn và 25 tiêu chí.

+ *Đề cương báo cáo tình hình thực hiện GD-ĐT địa phương:* Nhóm công cụ này nhằm thu thập các dữ liệu định tính về sự phát triển GD-ĐT địa phương. Đề cương báo cáo tình hình thực hiện GD-ĐT địa phương được thiết kế phù hợp với cấp Tỉnh, Huyện và CSGD (mầm non, tiểu học, THCS, THPT, GDTX). Mỗi đề cương sẽ tập trung thu thập dữ liệu về bối cảnh của địa phương (đặc điểm vị trí địa lí, giao thông, dân sinh của tỉnh); mục tiêu phát triển GDDT địa phương, sự gắn kết với chiến lược phát triển giáo dục 2011-2021; chất lượng GD-ĐT cấp tỉnh gồm chính sách, cơ chế phát triển giáo dục-ĐT, nguồn lực tài chính, tình hình sử dụng hệ thống EMIS, các giải pháp chỉ đạo để cải thiện CLGD; lợi thế phát triển giáo dục cấp tỉnh; định hướng chỉ đạo phát triển GD-ĐT cấp tỉnh tiếp theo.

3. Kết luận

Thiết kế công cụ đánh giá sự phát triển GD-ĐT gồm nhiều bước, trong đó quan trọng nhất chính là việc xây dựng khung phân tích, bộ tiêu chí và chỉ số đánh giá. Với mục đích giám sát hệ thống giáo dục, bộ chỉ số được kì vọng vừa đảm bảo tính hiệu quả vừa đảm bảo tính hiệu lực, nói cách khác bộ chỉ số cần tinh giản nhất có thể nhưng vẫn có thể đánh giá được chính xác sự phát triển GD-ĐT địa phương. Bước đầu có thể thấy, công cụ thu thập dữ liệu được thiết kế đã đáp ứng được yêu cầu thu thập các thông tin được thống nhất trong bộ tiêu chí. Tuy nhiên, việc kết hợp các dữ liệu định tính và định lượng, cũng như cách tính toán chỉ số tổng hợp EDI và các công cụ giúp địa phương phân tích và viết báo cáo về sự phát triển GD-ĐT địa phương theo thời gian sẽ là một thách thức lớn cần phải có nghiên cứu sâu hơn.

Lời cảm ơn: *Nhóm tác giả xin cảm ơn sự tài trợ của Chương trình Khoa học Giáo dục năm 2016-2020 "Nghiên cứu phát triển giáo khoa học giáo dục đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản toàn diện giáo dục Việt Nam"qua đề tài "Xây dựng bộ công cụ đánh giá sự phát triển giáo dục và đào tạo của địa phương", mã số: KHGD/16-20.ĐT.006.*

Tài liệu tham khảo

Ban Chấp hành Trung ương (2013). *Nghị quyết số 29-NQ/TW ngày 04/11/2013 về về đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo, đáp ứng yêu cầu công nghiệp hóa, hiện đại hóa trong điều kiện kinh tế thị trường định hướng xã hội chủ nghĩa và hội nhập quốc tế.*

Blank (1993). *Developing a System of Education Indicators: Selecting, Implementing, and Reporting Indicators*. DOI: https://doi.org/10.3102/01623737015001065

Bộ Kế hoạch và Đầu tư (2011). *Thông tư số 02/2011/TT-BKHĐT ngày 10/01/2011 quy định nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia; danh mục và nội dung hệ thống chỉ tiêu thống kê cấp tỉnh, huyện, xã.*

Chính phủ (2016). *Nghị định số 97/2016/NĐ-CP ngày 01/7/2016 về quy định nội dung chỉ tiêu thống kê thuộc hệ thống chỉ tiêu thống kê quốc gia.*

OECD (2013). *Synergies for better learning: an international perspective on evaluation and assessment*. https://www.oecd.org/education/school/synergies-for-better-learning.htm

OECD (2021). *Education at a Glance 2021: OECD Indicators*. OECD Publishing, Paris, https://doi.org/10.1787/b35a14e5-en

UNESCO (2005). *Understanding education quality. EFA Global Monitoring Report*. Paris: Unesco.

UNESCO (2013a). *General education quality analysis/Diagnosis framework (GEQAF).*

UNESCO (2013b). *Global Thematic Consultation on Education and The Post-2015 Development Framework: Making Education for All a Reality.*